

Bản án số: 37/2021/DS-ST

Ngày: 20/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số A đường N, phường B, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh S – Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đ.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T – Phó Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số A đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H (*Vắng mặt*), sinh năm 1980

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Bà Lê Thị H (*Vắng mặt*), sinh năm 1980

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Tùng D (Vắng mặt), sinh năm 2004

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Theo hợp đồng tín dụng số LD1907900005, ngày 20/3/2019 thì ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H được Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; Theo giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1908400850, ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H tiếp tục được Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý tiếp tục giải ngân cho vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 5.001.974 đồng và tiền lãi phát sinh là 6.177.865 đồng của khoản vay 70.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên ông H, bà H có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 454760 cấp ngày 28/01/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6540m², địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 345305 cấp ngày 25/7/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 507a/19/TC, ngày 20/3/2019 và hợp đồng thế chấp tài sản số 507b/19/TC, ngày 20/3/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/3/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, tỉnh Đ.

Tính đến ngày 04/11/2020 ông H, bà H còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền 692.328.591 đồng, trong đó tiền gốc là 565.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 117.454.229 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.874.362 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 05/11/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ, đã nhiều lần Ngân hàng thông báo việc trả nợ, tuy nhiên ông H, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó Ngân hàng đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 741.826.996 đồng, trong đó: nợ gốc là 564.998.026 đồng, lãi trong hạn là 156.828.978 đồng, lãi quá hạn là 10.923.446 đồng, phạt chậm trả lãi là 9.076.546 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 75, tờ bản đồ

số 31, diện tích 10.104m², địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 454760 cấp ngày 28/01/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6.540m², địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 345305 cấp ngày 25/7/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 507a/19/TC, ngày 20/3/2019 và hợp đồng thế chấp tài sản số 507b/19/TC, ngày 20/3/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/3/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đ để thu hồi nợ.

- Theo lời khai của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 20/3/2019 ông và vợ Lê Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1907900005 với Ngân hàng thương mại cổ phần S để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; Ngày 25/3/2019 ông và bà Lê Thị H tiếp tục ký giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1908400850 để vay thêm số tiền 70.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thì ông và bà Lê Thị H có thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6540m², đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 507a/19/TC, ngày 20/3/2019 và hợp đồng thế chấp tài sản số 507b/19/TC, ngày 20/3/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/3/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông có nguyện vọng được trả số tiền gốc còn lại theo hợp đồng đã ký kết, còn số tiền lãi phát sinh thì mong Ngân hàng tạo điều kiện miễn các khoản tiền lãi, trường hợp không trả được khoản tiền gốc thì đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị H (bị đơn) là người bị khuyết tật nặng và đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng nên ông H và bà H có đơn xin được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tùng D trong quá trình giải quyết vụ án: Anh là con ruột của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H, việc ông H, bà H có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S thì anh có được nghe qua, khi vay vốn thì ông H, bà H có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và vợ Lê Thị H. Đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31 thì đây là tài sản riêng của ông H, bà H, anh không có công sức đóng góp gì vì khi đó anh còn nhỏ và sống phụ thuộc vào gia đình, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại S thì anh đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31 để thu hồi nợ trong trường hợp ông H, bà H không có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 741.826.996 đồng, trong đó: nợ gốc là 564.998.026 đồng, lãi trong hạn là 156.828.978 đồng, lãi quá hạn là 10.923.446 đồng, phạt chậm trả lãi là 9.076.546 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn (bà Lê Thị H) là người bị khuyết tật nặng, hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn H (bị đơn) hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; bà Lê Thị H trước đây có đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nhưng mới chuyển hộ khẩu về xóm A, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil,

tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H, anh Nguyễn Tùng D: Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự đã có lời khai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H, bà H, anh D theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

[3] Theo hợp đồng tín dụng số LD1907900005, ngày 20/3/2019 thì ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H được Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1908400850, ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H tiếp tục được Ngân hàng TMCP S đồng ý tiếp tục giải ngân cho vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 6.177.865 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1908400850, ngày 25/3/2019. Đến thời hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng thương mại cổ phần S thông báo việc trả nợ, do đó Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn, tính đến ngày xét xử ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H còn nợ lại Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 741.826.996 đồng, trong đó: nợ gốc là 564.998.026 đồng, lãi trong hạn là 156.828.978 đồng, lãi quá hạn là 10.923.446 đồng, phạt chậm trả lãi là 9.076.546 và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Để bảo đảm cho khoản vay ông H, bà H có thể chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 454760 cấp ngày 28/01/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6540m², địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 345305 cấp ngày 25/7/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 507a/19/TC, ngày 20/3/2019 và hợp đồng thế chấp tài sản số 507b/19/TC, ngày 20/3/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/3/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đ.

[5] 3.1. Về số nợ gốc: Tại hợp đồng tín dụng số LD1907900005, ngày 20/3/2019 thì ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1908400850, ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H tiếp tục được Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý tiếp tục giải ngân cho vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các

bên đã ký kết thì Ngân hàng đã yêu cầu ông H, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay, tuy nhiên ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với số tiền 564.998.026 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

3.2. Về khoản tiền lãi:

[6] Tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung cấp dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2 Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[7] Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết thì ngoài số tiền gốc thì ông H, bà H còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông H và bà H không thực hiện theo thỏa thuận là đã vi phạm về nghĩa vụ trả lãi của bên vay, do đó Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trong hạn là 156.828.978 đồng, lãi quá hạn là 10.923.446 đồng, phạt chậm trả lãi là 9.076.546 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[8] 3.3. Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H có thể chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 454760 cấp ngày 28/01/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6.540m², địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 345305 cấp ngày 25/7/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 507a/19/TC, ngày 20/3/2019 và hợp đồng thế chấp tài sản số 507b/19/TC, ngày 20/3/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/3/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 295; Điều 298; Điều 319; Điều 321; Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] 4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Nguyễn Văn H, bà Lê

Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[10]5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Lê Thị H (bị đơn) bị khuyết tật nặng nên thuộc đối tượng được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm (theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nên không xem xét về án phí dân sự sơ thẩm.

[11]Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 741.826.996 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 564.998.026 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm chín mươi tám nghìn không trăm hai mươi sáu đồng), lãi trong hạn là 156.828.978 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 10.923.446 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng), phạt chậm trả lãi là 9.076.546 đồng (Chín triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với: thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 10.104m², địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 454760 cấp ngày 28/01/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 33, diện tích 6540m², địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 345305 cấp ngày 25/7/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, Phòng giao dịch Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.846.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003727 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng